

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/DS-PT
Ngày 22 - 10 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 93/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Hữu T, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp I, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Hồ Hữu Tâm: Ông Nguyễn Duy S là Luật sư thuộc Công ty TNHH MTV Thái Sơn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1946; cư trú tại: Ấp I, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Liêu Xiếu L (tên gọi khác là NL), sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp I, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; cư trú tại: Ấp II, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh T1, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Cao Quốc H, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp Z, xã L1, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bà Tô Hồng N1, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp L1, xã Q, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Hồ Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hồ Hữu T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn N2 và bà Tô Hồng N3, chuyển nhượng 02 lần, cụ thể: Lần thứ nhất nhận chuyển nhượng vào năm 2001, diện tích ngang 08m x dài 20m, với giá 40.000.000 đồng; lần thứ hai nhận chuyển nhượng vào năm 2010, diện tích ngang 08m x dài 12,5m, với giá 24.000.000 đồng; cả hai lần nhận chuyển nhượng tổng diện tích chiều ngang là 08m, chiều dài là 32,5m, với giá là 64.000.000 đồng; khi chuyển nhượng đất hai bên có làm giấy tay nhưng hiện nay đã thất lạc. Sau khi ông chuyển nhượng đất lần thứ nhất, ông có thuê ông Cao Quốc H san lấp mặt bằng để lấp nền làm chỗ đậu xe lên xuống hàng hóa, nhưng sau đó bị Chính quyền địa phương cấm không cho xe vào đường lộ này thì ông không xây dựng thêm mà để đất trống. Phần đất ông chuyển nhượng lần hai để trống. Đến năm 2017, ông đến Cơ quan chuyên môn để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết diện tích đất trên do bà Huỳnh Thị N đứng tên quyền sử dụng đất, sau đó bà N chuyển nhượng lại cho bà Liêu Xiếu L, hiện nay đất tranh chấp do bà Liêu Xiếu L đứng tên quyền sử dụng đất. Nay ông kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị N và bà Liêu Xiếu L trả cho ông diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 275,2m².

Bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn N2 vào khoảng năm 2000 với diện tích chiều ngang 08m x chiều dài 35m, giá 40.000.000 đồng; khi chuyển nhượng đất hai bên có làm giấy tay, đến ngày 19/01/2011 bà được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 275,2m², thửa 04, tờ bản đồ số 48. Hiện trạng đất khi chuyển nhượng là đất trống, sau khi chuyển nhượng vài năm thì bà có nhờ con gái là Hồng Thị T2 và con rể là Hồ Hữu T thuê người đổ đất, san lấp nền cho bà, việc đổ đất bao nhiêu tiền thì bà không nhớ; phần đất này bà vẫn để trống chưa sử dụng. Đến đầu năm 2011 bà chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho bà Liêu Xiếu L với giá 200.000.000 đồng và hiện nay bà L đang quản lý,

sử dụng. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T vì phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà và bà đã chuyển nhượng cho người khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liêu Xiếu L trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do bà nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị N vào khoảng năm 2011 với diện tích chiều ngang 08m x chiều dài 35m, giá 200.000.000 đồng, khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tờ với nhau, đến ngày 25/02/2011 thì bà được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 275,2m², tại thửa số 04, tờ bản đồ số 48; hiện trạng đất khi chuyển nhượng là đất trống. Sau khi chuyển nhượng đất khoảng vài năm thì bà thuê người đổ đất, san lấp nền cho bà, việc đổ đất khoảng hơn mười mấy triệu, bà không nhớ chính xác. Hiện nay phần đất tranh chấp bà trồng chuối, trồng rau cải, chưa có xây dựng nhà cửa trên đất. Phần đất tranh chấp bà chuyển nhượng hợp pháp của bà N, nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Hữu T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị N và trình tự, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị N với bà Liêu Xiếu L là đúng theo quy định của pháp luật. Việc ông Hồ Hữu T yêu cầu bà Huỳnh Thị N giao trả phần đất diện tích 275,2m², thửa số 04, tờ bản đồ số 48 thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 18 tháng 07 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Hữu T đối với bà Huỳnh Thị N về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 275,2m², tại thửa số 04, tờ bản đồ số 48 do bà Liêu Xiếu L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại Ấp I, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Hữu T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị N và bà Liêu Xiếu L với diện tích 275,2m², tại thửa số 04, tờ bản đồ số 48.

Buộc bà Huỳnh Thị N trả cho ông Hồ Hữu T chi phí đổ đất lấp nền số tiền 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; về lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án; về quyền yêu cầu thi hành án; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, nguyên đơn ông Hồ Hữu T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 18 tháng 07 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà Huỳnh Thị

N và bà Liêu Xiếu L trả lại phần đất diện tích 275,2m² cho gia đình ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hồ Hữu T trình bày: Cấp sơ thẩm có sao lục hồ sơ ly hôn giữa ông T và bà T2 thể hiện có giấy sang nhượng đất giữa ông T với ông N, bà T2 là người nộp do vụ án ly hôn bà T2 là nguyên đơn, nhưng bà T2 lại không thừa nhận trong vụ án này là mâu thuẫn. Đối với giấy thỏa thuận phân chia tài sản do bà T2 cung cấp chỉ phân chia tài sản thỏa thuận được, còn lại các tài sản khác không thỏa thuận phân chia được nên không thể hiện trong giấy thỏa thuận phân chia tài sản.

Lời khai của người làm chứng là bà Tô Hồng N1 xác định bà có trực tiếp nhận tiền chuyển nhượng đất của ông T tại nhà ông T số tiền 40.000.000 đồng khi chuyển nhượng đất lần đầu, lần chuyển nhượng đất sau bà nghe ông N nói lại do không trực tiếp chứng kiến, tuy nhiên án sơ thẩm nhận định bà N1 biết nhưng không trực tiếp chứng kiến là chưa khách quan. Lời khai của ông Cao Quốc H xác định ông là người được ông T trực tiếp thuê đồ đất trên đất tranh chấp, chứng minh rằng ông T là người sử dụng phần đất này.

Bị đơn có cung cấp giấy sang nhượng đất thổ cư lập năm 2001 thấy rằng: Giấy sang nhượng đất này có chữ ký của ông N2, bà N và có xác nhận của ông Dương Việt T4. Bà N xác định tại Tòa hôm nay thời điểm ông T4 xác nhận là khi ông T khởi kiện bà, không phải xác nhận tại thời điểm ông N2 chuyển nhượng đất cho bà N; hình thức giấy sang nhượng đất này có số liệu liên quan trực tiếp nội dung giao dịch có tẩy xóa, không phù hợp về số tiền chuyển nhượng và mâu thuẫn lời khai của bà N về giao dịch chuyển nhượng đất với ông N2. Qua đối chiếu với biên bản xác minh nguồn gốc đất khi bà N kê khai cấp giấy so với tứ cạnh trong giấy sang nhượng đất do bà N cung cấp là không phù hợp, nhưng lại phù hợp về tứ cạnh trong giấy sang nhượng đất do bà T2 cung cấp.

Cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ về nguồn gốc đất; biên bản đo đạc và biên bản xác minh nguồn gốc đất trong hồ sơ cấp giấy cho bà N được lập cùng giờ, cùng ngày, nhưng cấp sơ thẩm cũng không xác minh làm rõ. Về tứ cạnh phần đất tranh chấp phù hợp với giấy sang nhượng đất do bà T2 cung cấp, không phù hợp với giấy sang nhượng đất do bà N cung cấp. Quyết định của bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T, nhưng không công nhận phần đất tranh chấp cho ai. Đối với biên bản đo đạc của cấp sơ thẩm không thể hiện bức tường rào phía sau của bà L như xác định của bà L tại Tòa hôm nay, cấp sơ thẩm không thể hiện trong biên bản đo đạc là thiếu sót.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Hữu T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; ý kiến trình bày của Luật sư và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hồ Hữu T nộp trong thời hạn luật định và hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 18/01/2019 (Bút lục số 58) và trích lục đất tranh chấp giữa ông Hồ Hữu T với bà Huỳnh Thị N (Bút lục số 56) thể hiện phần đất tranh chấp diện tích 275,2m², tại thửa số 04, tờ bản đồ số 48 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Liêu Xiếu L vào năm 2011, phần đất tọa lạc tại Ấp I, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Ông T xác định phần đất tranh chấp ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn N2 lần thứ nhất vào năm 2001, diện tích chiều ngang 08m x chiều dài 20m, với giá 40.000.000 đồng; lần thứ hai nhận chuyển nhượng vào năm 2010, diện tích ngang 08m x dài 12,5m, với giá 24.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông T có cung cấp hai người làm chứng là ông Cao Quốc H và bà Tô Hồng N1. Qua xác minh, tại lời khai ngày 20/6/2019 (Bút lục số 154) ông Cao Quốc H xác định năm 2001 ông T có thuê ông san lấp mặt bằng nền nhà Ấp I, thị trấn G, huyện Đ, nền ngang 08m x dài hơn 30m với số tiền 8.000.000 đồng; còn nền nhà là của ông T hay của bà N thì ông không biết và tại lời khai ngày 04/6/2019 (Bút lục số 126-127) bà Tô Hồng N1 xác định ông N2 có nhận tiền chuyển nhượng đất của ông T là 40.000.000 đồng, tuy nhiên tại thời điểm chuyển nhượng đất thì ông T và bà N có quan hệ là mẹ vợ và con rể nên bà không biết phần đất này của ông T hay của bà N. Do đó, lời khai của ông H và bà N không có căn cứ xác định phần đất tranh chấp ông T nhận chuyển nhượng của ông N2.

[5] Cấp sơ thẩm có sao lục hồ sơ ly hôn giữa ông T và bà T thể hiện có đơn sang nhượng đất đề ngày 01/12/2003 giữa ông N2 với ông T với diện tích đất sang nhượng ngang 08m, dài 35m, với giá 80.000.000 đồng, ông T xác định đúng giấy

sang nhượng đất giữa ông với ông N2. Tuy nhiên, nội dung sang nhượng đất này mâu thuẫn lời khai của ông T, cụ thể: Ông T xác định sang nhượng đất của ông N2 02 lần, lần thứ nhất năm 2001, lần thứ hai năm 2010, cả hai lần nhận chuyển nhượng đất là ngang 08m x dài 32,5m, với giá 64.000.000 đồng, nhưng giấy sang nhượng đất thể hiện sang nhượng ngày 01/03/2003, diện tích ngang 08m, dài 35m, với giá 80.000.000 đồng. Do đó, chứng cứ này không có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại “*Đơn khởi kiện ly hôn*” giữa bà T2 và ông T đề ngày 25/10/2015 (Bút lục số 157) và tại “*Giấy thỏa thuận phân chia tài sản và nợ*” đề ngày 15/5/2018 giữa ông T với bà T2 (Bút lục số 159) không thể hiện việc phân chia tài sản chung có tài sản là phần đất đang tranh chấp này.

[7] Phần đất tranh chấp bà N xác định bà nhận chuyển nhượng của ông N2 vào năm 2001, khi nhận chuyển nhượng có làm giấy tay là đơn xin sang nhượng đất thổ cư đề ngày 09/01/2001. Để chứng minh cho lời trình bày của mình bà N có cung cấp “*Đơn xin sang nhượng đất thổ cư*” ngày 09/01/2001 có xác nhận nơi ông N2 công tác (Bút lục số 75) thể hiện ông N2 chuyển nhượng cho bà N phần đất chiều ngang 08m x chiều dài 35m, với giá 40.000.000 đồng. Đồng thời, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N thể hiện có các hộ lân cận như ông Trương Quốc L2, bà Liêu Xiếu L, bà Nguyễn Thị S ký giáp ranh và có ông N2 ký xác nhận vào biên bản xác minh nguồn gốc đất của bà N có nội dung “*Phần đất thửa 04, tờ bản đồ số 48 diện tích 275,2m²..., ông N2 sử dụng đến năm 2000 thì chuyển quyền cho bà N*” (Bút lục số 08), bà Tô Hồng N1 là vợ ông N2 xác nhận các chữ ký, chữ viết trong văn bản xác nhận nêu trên đúng là của ông Nguyễn N2.

[8] Trong quá trình sử dụng đất, bà N có kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011, cùng năm 2011 bà N chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Liêu Xiếu L đứng tên. Tại công văn số 1233/UBND ngày 13/5/2019 (Bút lục số 81) của Ủy ban nhân dân huyện Đ và tại Bản tự khai ngày 13/5/2019 (Bút lục số 130) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N và cho bà L tại thửa số 04, tờ bản đồ số 48, diện tích 275,2m² là đúng theo quy định của pháp luật.

[9] Như vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu bà N và bà L trả phần đất diện tích 275,2m²; và không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N và bà L diện tích 275,2m², tại thửa số 04, tờ bản đồ số 48 là có căn cứ.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[11] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Hữu T; không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi

ích hợp pháp của ông T; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 18 tháng 07 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm, ông Hồ Hữu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 25, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Hữu T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 18 tháng 07 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Hữu T đối với bà Huỳnh Thị N về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 275,2m², tại thửa số 04, tờ bản đồ số 48 do bà Liêu Xiếu L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp I, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất bà Liêu Xiếu L, cạnh dài 33,7m.

Hướng Tây giáp đất ông Vũ Hồng N3, cạnh dài 34,5m.

Hướng Nam giáp đất ông Trương Quốc L2, cạnh dài 8,1m.

Hướng Bắc giáp lộ nhựa (đường Ngọc Đ3), cạnh dài 7,9m.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Hữu T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị N và bà Liêu Xiếu L với diện tích 275,2m², tại thửa số 04, tờ bản đồ số 48.

3. Buộc bà Huỳnh Thị N trả cho ông Hồ Hữu T chi phí đồ đất lập nền số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp số tiền là 880.000 đồng, ông Hồ Hữu T phải chịu toàn bộ, ông T đã nộp xong.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Hồ Hữu T phải chịu 300.000 đồng. Ông Hồ Hữu T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011479 ngày 12/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

- Án phí phúc thẩm: Ông Hồ Hữu T phải chịu 300.000 đồng. Ông Hồ Hữu T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003822 ngày 24/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thanh Dũng